ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN
"Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030"

Dự thảo

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT, PHẠM VI VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là mục tiêu và được Đảng ta xác định mang tính tất yếu, khách quan, cấp thiết. Trong nhà nước pháp quyền, tính thượng tôn pháp luật để quản lý xã hội, quản lý nhà nước được đề cao và đảm bảo. Hiến pháp năm 2013 khẳng định: "Nhà nước tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật", do đó, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật phục vụ quản lý nhà nước là vấn đề quan trọng, ưu tiên trong giai đoạn hiện nay.

Trước những biến đổi của các mối quan hệ xã hội mới phát sinh và tác động của nhiều yếu tố nội sinh, ngoại nhập khác đã và đang đặt ra yêu cầu hệ thống pháp luật của nước ta cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp.

Hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ điều chỉnh các vấn đề rộng lớn, liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương nói chung, chính quyền đô thị nói riêng, quản lý địa giới đơn vị hành chính; các vấn đề phức tạp, nhạy cảm về tôn giáo, tín ngưỡng; các vấn đề có ảnh hưởng đến các ngành, lĩnh vực khác như thi đua, khen thưởng; lưu trữ... là các nội dung quan trọng, điều chỉnh các mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với cơ quan nhà nước ở địa phương; giữa nhà nước và công dân, các tổ chức xã hội.

Trong nhiều năm qua, hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ đã được chú trọng xây dựng, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, kịp thời điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh, giải quyết căn bản các vấn đề thực tiễn đặt ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ vẫn còn phát hiện nhiều "lỗ hổng" pháp lý, xuất hiện nhiều yếu tố mới cần có điều chỉnh bởi Luật và các văn bản dưới Luật. Việc nghiên cứu xây dựng, thực hiện Đề án: "Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030" có ý nghĩa quan trọng, nhằm thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, giải quyết những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực

thi pháp luật, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Phạm vi nghiên cứu của Đề án

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ còn hiệu lực.

3. Căn cứ xây dựng Đề án

3.1. Căn cứ chính trị

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng yêu cầu: "Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược pháp luật và cải cách tư pháp"[1], đồng thời yêu cầu "Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đẩy nhanh xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số"[2].

Nghị quyết chỉ ra các giải pháp quan trọng, trong đó có việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, nhằm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

b) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết chỉ ra mục tiêu:

- Đến năm 2021: Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện một số quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lắp, chồng chéo chức năng nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý.

- Từ năm 2021 đến năm 2030: Nghị quyết đặt ra nhiệm vụ cho các Bộ, ngành thực hiện: (1) Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới; giảm biên chế; (2) Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; (3) Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; (4) Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB CTQG Sự thật, Trang 177, Tập 1
[2] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, NXB CTQG Sự thật, Trang 99, Tập 2

quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; (5) Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định;

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập từ nay đến năm 2030: Thực hiện có hiệu quả theo lộ trình, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khoá XII ‘‘Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập’’.

c) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị quyết giao nhiệm vụ các Bộ, ngành: Sửa đổi, bổ sung pháp luật về công chức, viên chức, đội ngũ nhà giáo và pháp luật có liên quan

d) Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ

Nghị quyết đặt ra mục tiêu:

- Đến năm 2020: Thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết thành các quy định của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

- Đến năm 2025: Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ; Xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng tiêu chuẩn, chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030: Xây dựng được đội ngũ cán bộ các cấp chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển giao thế hệ một cách vững vàng; Cơ bản xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ.

đ) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp

Nghị quyết giao các Bộ, ngành:

- Trên cơ sở tổng kết việc thực hiện pháp luật cán bộ, công chức, viên chức; chọn lọc tiếp thu kinh nghiệm tốt của quốc tế, rà soát bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về vị trí việc làm và các tiêu chí đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với từng vị trí việc làm trong khu vực công để làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng, đánh giá và trả lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị trực tiếp xây dựng và hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, xác định cơ cấu công chức, viên chức, cấp bậc hàm sĩ quan; xác định khung năng lực theo từng vị trí việc làm và tinh giản biên chế theo các nghị quyết của Đảng và quy định của Nhà nước đã được ban hành. Trên cơ sở đó, thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang để thực hiện trả lương theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo.

- Các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước xây dựng văn bản quy định chế độ tiền lương mới báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định trước khi ban hành, để từ năm 2021 thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo nguyên tắc bảo đảm không thấp hơn tiền lương hiện hưởng, cụ thể:

Sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội và pháp luật có liên quan đến chính sách tiền lương trong khu vực công và khu vực doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, giao quyền tự chủ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, bổ nhiệm, kỷ luật, trả lương và quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong doanh nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đối tượng và tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm liên thông, tích hợp với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác có liên quan.

3.2. Căn cứ pháp lý và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ

a) Các Luật và văn bản dưới luật thuộc lĩnh vực Nội vụ

- Luật Tổ chức chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019);

- Luật Lưu trữ năm 2011;

- Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016;

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

- Luật Thanh niên năm 2020.

- Các văn bản dưới luật thuộc lĩnh vực Nội vụ.

b) Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Nghị quyết yêu cầu tập trung các nhiệm vụ và giải pháp sau:

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, bảo đảm đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả. Khẩn trương rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy phạm phá p luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và quản lý biên chế.

- Tiếp tục rà soát điều chỉnh chức năng , nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước. Theo đó:

+ Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, của từng cấp chính quyền địa phương nhằm khắc phục tình trạng cắt khúc , chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ trong quản lý nhà nướ c, bảo đảm sự liên thông , đồng bộ, thống nhất, gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận; thực hiện có hiệu quả nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc nhưng một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chí nh. Phân định rõ thẩm quyền , trách nhiệm của tập thể , cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu;

+ Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương và giữa chính quyền cấp trên với chính quyền cấp dưới ; giao quyền chủ động cho cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm , đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả;

+ Rà soát, chuyển một số nhiệm vụ mà các Bộ, ngành, cơ quan nhà nước không cần thiết phải thực hiện cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đảm nhận. Thực hiện lộ trình sắp xếp lại và giảm tối đa việc Nhà nước tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh tế thông qua các doanh nghiệp nhà nước;

+ Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã. Xây dựng thôn, tổ dân phố thực sự là hình thức tự quản của cộng đồng dân cư , không làm thay nhiệm vụ của chính quyền cấp cơ sở.

- Tiếp tục sắp xếp cơ cấu tổ chức các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn với các tiêu chí cụ thể . Mô hình và qu y mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng loại cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26/2/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt "Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật" giai đoạn 2018 – 2022

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy định hiện hành về tổ chức thi hành pháp luật; thực hiện nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phục vụ việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật.

- Nâng cao chất lượng một số hoạt động tổ chức thi hành pháp luật, trong đó tập trung thực hiện giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tổ chức thi hành pháp luật; đổi mới công tác theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; tăng cường năng lực phản ứng chính sách; đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thi hành pháp luật.

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết để phục vụ việc tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đẩy mạnh thực hiện chủ trương, chính sách tinh giản biên chế.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ thực hiện nhiệm vụ:

+ Kiện toàn tổ chức pháp chế các bộ, ngành; bố trí biên chế pháp chế chuyên trách tại các sở, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong tổng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ công tác pháp chế nói chung và làm đầu mối công tác tổ chức thi hành pháp luật nói riêng;

(Cơ quan chủ trì: Bộ Nội vụ. Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, các cơ quan liên quan. Thời gian thực hiện: Năm 2018 – 2022)

+ Đào tạo, bồi dưỡng để tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là về kỹ năng, năng lực tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

(Cơ quan chủ trì: Bộ Nội vụ. Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh, cơ quan liên quan. Thời gian thực hiện: Năm 2018 – 2022).

3.3. Căn cứ thực tiễn

Pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về Nội vụ được xây dựng, hoàn thiện trên cơ sở thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, bảo đảm đồng bộ, kịp thời, thống nhất với hệ thống pháp luật chung của Nhà nước. Luật và các văn bản dưới Luật thuộc lĩnh vực Nội vụ đã góp phần cụ thể hóa các quy định tại Hiến pháp năm 2013, điều chỉnh nhiều lĩnh vực, nội dung rộng lớn, phức tạp, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực và mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, thực tiễn xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ và quá trình áp dụng trong thực tế vẫn còn một số hạn chế, bất cập, vướng mắc, cụ thể:

a) Hệ thống văn bản quy phạm pháp lĩnh vực Nội vụ chưa thực sự đồng bộ, tính thống nhất chưa cao, số lượng còn lớn với nhiều hình thức văn bản quy phạm pháp luật, do nhiều cơ quan có thẩm quyền ban hành, một số nội dung còn chồng chéo, mâu thuẫn.

b) Tính dự báo, khả thi của của một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; một số văn bản có ‘‘vòng đời’’ còn ngắn. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về pháp luật chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn và nhiệm vụ quản lý nhà nước. Việc nghiên cứu, đề xuất chính sách có lúc còn chưa được khảo sát, đánh giá kỹ lưỡng, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về tính chiến lược và tầm nhìn dài hạn. Bên cạnh đó, trong một số trường hợp, việc xem xét các điều kiện, nguồn lực thực hiện vẫn còn chung chung, thiếu rõ ràng, cụ thể.

c) Trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Ban chấp hành Trung ương về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, theo 06 nội dung định hướng của Nghị quyết vẫn còn các nội dung, định hướng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ như:

- Đổi mới mô hình, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan trong bộ máy nhà nước chưa thực sự đáp ứng yêu cầu mới về xây dựng và thi hành pháp luật; nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước chủ yếu mới chỉ được ghi nhận theo Hiến pháp năm 2013, việc luật hóa cụ thể còn lúng túng, đặc biệt là việc thiết lập và vận hành cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Việc phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan chưa thực sự rõ ràng, hợp lý; phân quyền, phân cấp giữa Trung ương và địa phương trong một số lĩnh vực còn chưa phù hợp (chẳng hạn phân cấp nhưng chưa tính đến các điều kiện bảo đảm, thiếu quản lý, giám sát của Trung ương). Tính dân chủ, công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và cơ chế giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội và sự phát triển kinh tế - xã hội; bộ máy nhà nước vẫn còn cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa thực sự cao.

- Tư duy đổi mới về xây dựng pháp luật, gắn xây dựng với tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ chưa được triệt để, chưa phù hợp với bối cảnh mới. Quá trình xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa thực sự coi trọng đúng mức việc lấy ý kiến, tổng hợp, xử lý và giải trình đầy đủ ý kiến của Nhân dân, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, văn bản hoặc chưa có phương pháp thực hiện phù hợp. Từ phía xã hội, nhiều cơ quan, tổ chức, lãnh đạo, công chức cũng chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm về tham gia xây dựng pháp luật, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực thi các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực này.

- Công tác nghiên cứu lý luận trong lĩnh vực pháp luật về Nội vụ chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, chưa gắn việc xây dựng pháp luật với phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước.

- Quá trình thực thi các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực Nội vụ vẫn còn có nhiều nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện. Các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước; tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương; quyền, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; vấn đề tiền lương; biên chế; tự chủ…đang đặt ra yêu cầu lớn cần hoàn thiện cho hệ thống pháp luật ngành Nội vụ. Các mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp thực tiễn và tính khả thi chưa cao trong văn bản quy phạm pháp luật ở một số lĩnh vực còn tồn tại, hạn chế. Cụ thể trên các lĩnh vực quản lý nhà nước như: Lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước, biên chế; Lĩnh vực công chức, công vụ; Lĩnh vực tổ chức chính quyền địa phương; Lĩnh vực thi đua, khen thưởng; Lĩnh vực lưu trữ ...

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LĨNH VỰC NỘI VỤ

I. NHỮNG ƯU ĐIỂM TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH, ÁP DỤNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LĨNH VỰC NỘI VỤ

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan)

II. NHỮNG HẠN CHẾ TRONG XÂY DỰNG, BAN HÀNH, ÁP DỤNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LĨNH VỰC NỘI VỤ

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT NGÀNH NỘI VỤ

I. QUAN ĐIỂM

1. Bám sát định hướng của Đảng tại các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc qua các thời kỳ, nhất là Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

2. Đánh giá toàn diện, thực chất về hiện trạng hệ thống quy định của pháp luật trong lĩnh vực Nội vụ tại các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh,

Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư, trong đó làm rõ các bất cập, chồng chéo, vướng mắc trong các quy định; trong thực tiễn áp dụng; dự báo các mối quan hệ pháp luật cần điều chỉnh trong tầm nhìn dài hạn, từ đó đề xuất để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

3. Xác định rõ, cụ thể các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư; các văn bản quy phạm pháp luật khác thuộc lĩnh vực Nội vụ cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; xác định lộ trình trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành các quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, nhằm đồng bộ hóa các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xây dựng Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

b) Mục tiêu đến năm 2030

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Về đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ.

2. Về tổ chức bộ máy, nhân sự.

3. Về ứng dụng công nghệ thông tin.

(Sẽ có bổ sung cụ thể sau khi nhận được báo cáo, đánh giá của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

Phần thứ tư
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC BỘ NỘI VỤ

1. Vụ …

2. Ban…

3. Cục…

II. SỞ NỘI VỤ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG